BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
CỔNG THÔNG TIN SINH VIÊN BVU

<u>Bước 1:</u> Sinh viên truy cập vào đường link: **sinhvien.bvu.edu.vn** để vào Cổng thông tin sinh viên BVU.

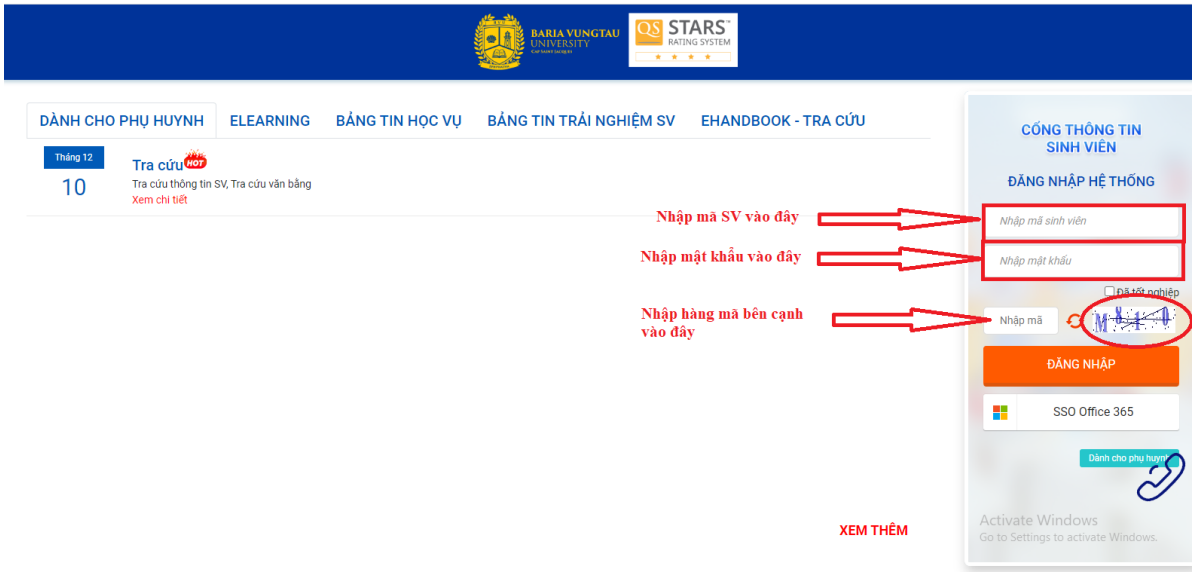

Hình 1: Giao diện Cổng thông tin sinh viên BVU

<u>Bước 2:</u> Sinh viên Đăng nhập vào cổng thông tin sinh viên bằng **Mã sinh viên** và **Mật khẩu** được in trên biên lai đóng tiền.

<u>Bước 3:</u> Sinh viên đổi lại mật khẩu đăng nhập theo mong muốn của bản thân bằng cách click vào Họ tên trên giao diện sau đó chọn menu Đổi mật khẩu

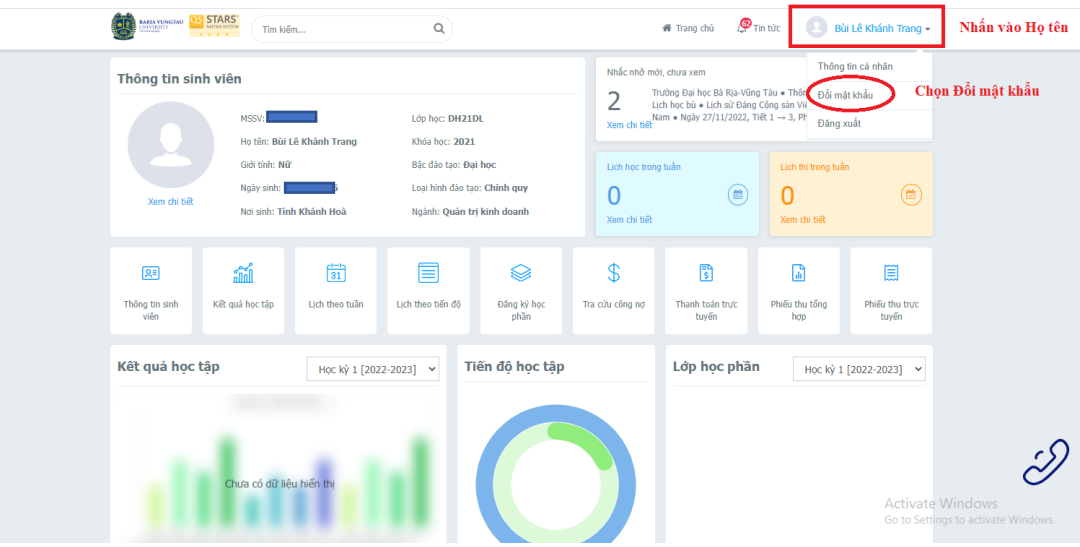

Hình 2: Đổi mật khẩu cá nhân Cổng thông tin sinh viên BVU

<u>Bước 4:</u> Sinh viên xem và thực hiện các chức năng cần thiết tại các menu chính của giao diện, cụ thể:

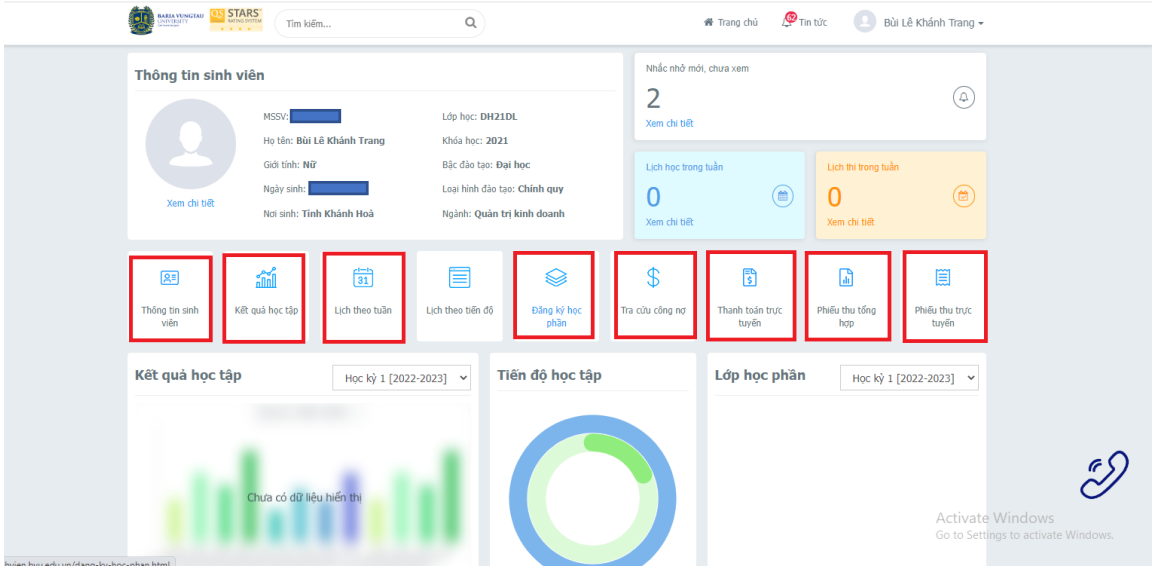

Hình 3: Giao diện các Menu chức năng trên Cổng thông tin sinh viên BVU

- **Thông tin sinh viên**: Xem các thông tin cá nhân của sinh viên và tài khoản office 365 mà sinh viên được Nhà trường cấp.

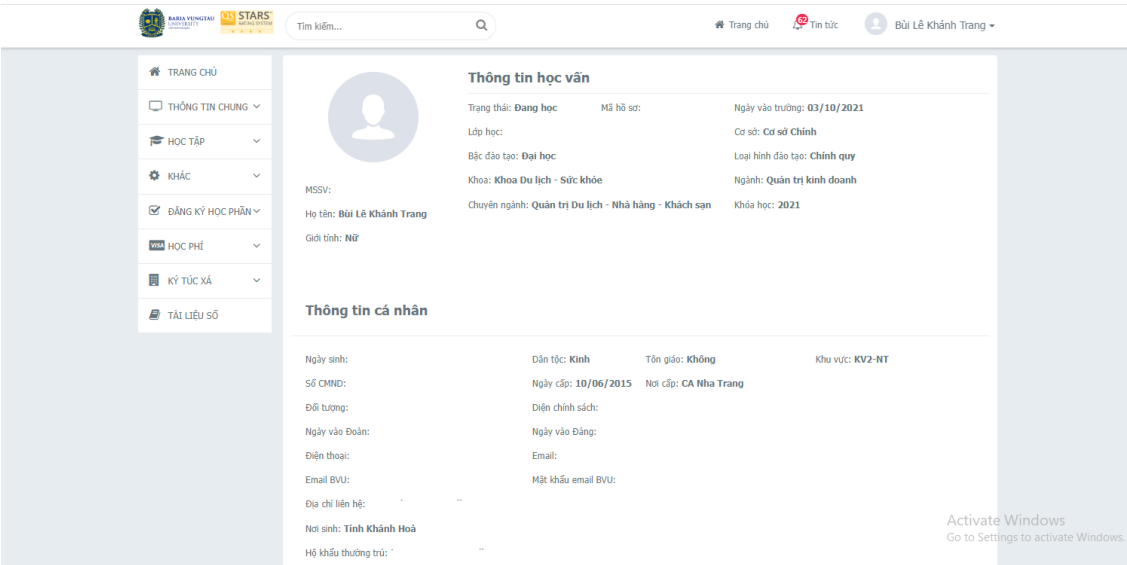

Hình 4: Giao diện chức năng thông tin sinh viên

- **Kết quả học tập**: Xem kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên theo từng môn học.

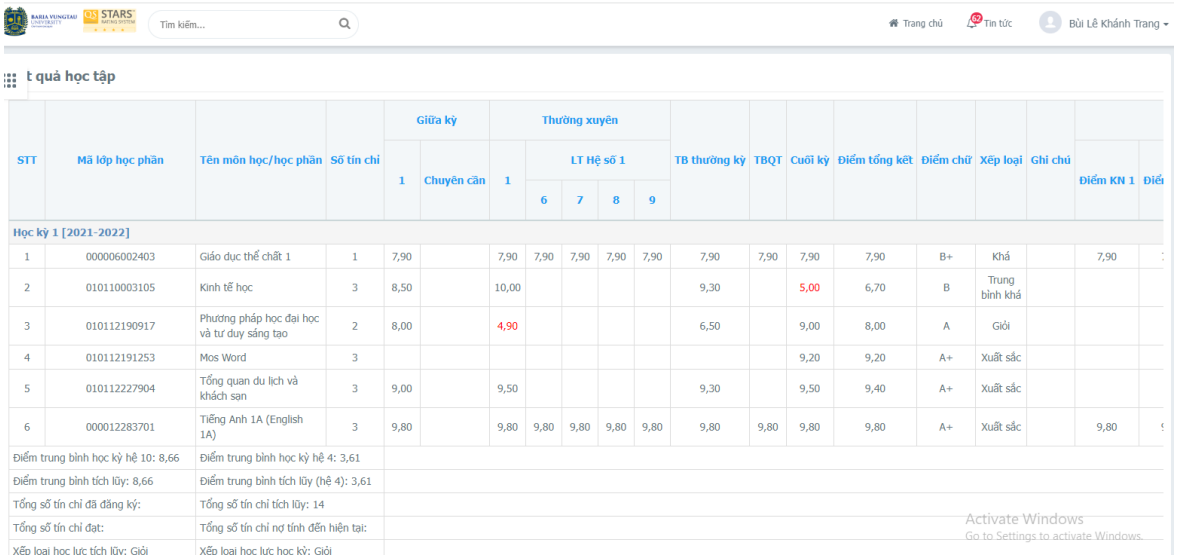

t quả học tập

STT	Mã lớp học phần	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Giữa kỳ		Thường xuyên					TB thường kỳ	TBQT	Cuối kỳ	Điểm tổng kết	Điểm chữ	Xếp loại	Ghi chú		
				1	Chuyên cần	1	LT Hệ số 1											Điểm KN 1	Điểm
							6	7	8	9									
Học kỳ 1 [2021-2022]																			
1	000006002403	Giáo dục thể chất 1	1	7,90		7,90	7,90	7,90	7,90	7,90	7,90	7,90	7,90	7,90	B+	Khá		7,90	
2	010110003105	Kinh tế học	3	8,50		10,00					9,30		5,00	6,70	B	Trung bình khá			
3	010112190917	Phương pháp học đại học và tư duy sáng tạo	2	8,00		4,90					6,50		9,00	8,00	A	Giỏi			
4	010112191253	Mos Word	3										9,20	9,20	A+	Xuất sắc			
5	010112227904	Tổng quan du lịch và khách sạn	3	9,00		9,50					9,30		9,50	9,40	A+	Xuất sắc			
6	000012283701	Tiếng Anh 1A (English 1A)	3	9,80		9,80	9,80	9,80	9,80	9,80	9,80	9,80	9,80	9,80	A+	Xuất sắc		9,80	

Điểm trung bình học kỳ hệ 10: 8,66 — Điểm trung bình học kỳ hệ 4: 3,61
Điểm trung bình tích lũy: 8,66 — Điểm trung bình tích lũy (hệ 4): 3,61
Tổng số tín chỉ đã đăng ký: — Tổng số tín chỉ tích lũy: 14
Tổng số tín chỉ đạt: — Tổng số tín chỉ nợ tính đến hiện tại:
Xếp loại học lực tích lũy: Giỏi — Xếp loại học lực học kỳ: Giỏi

Hình 5: Giao diện chức năng Kết quả học tập

- **Lịch theo tuần**: Xem lịch học của sinh viên được sắp theo từng tuần.

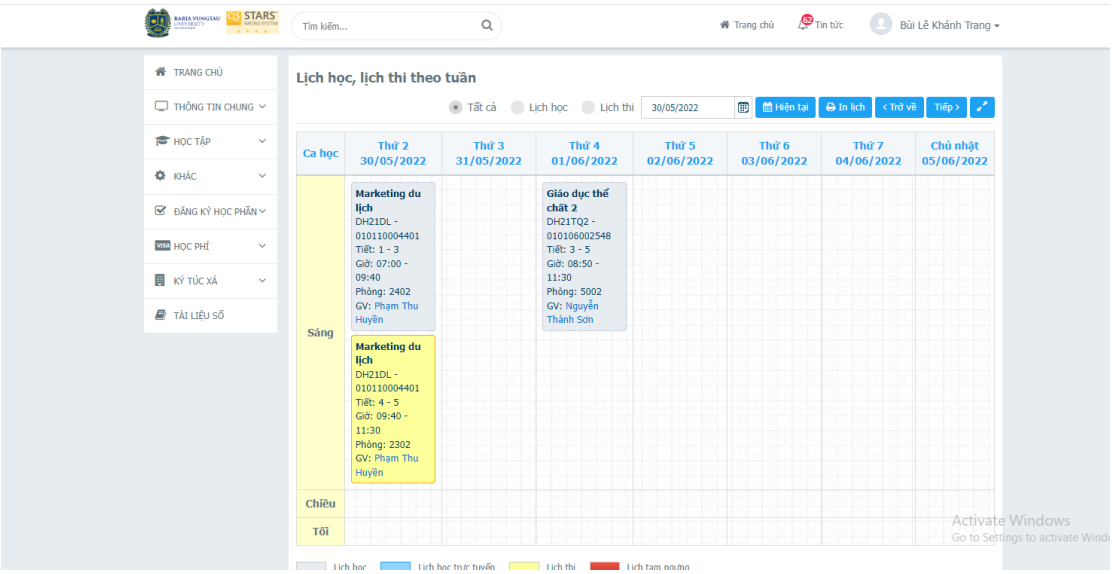

Hình 5: Giao diện chức năng Lịch theo tuần

- **Đăng ký học phần**: Chức năng dành để đăng ký học phần (áp dụng cho sinh viên từ Học kỳ 2 trở đi, học kỳ 1 đã được hệ thống đăng ký sẵn).

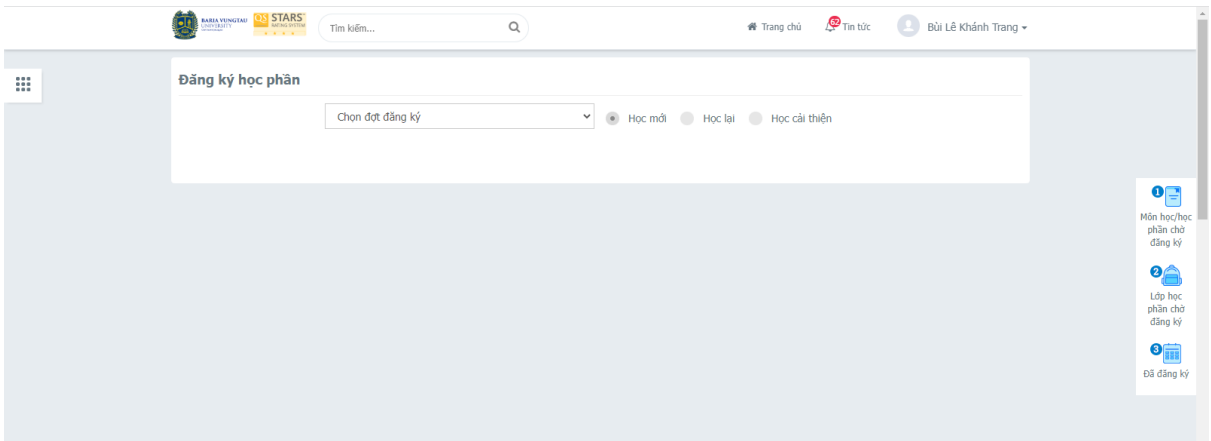

Hình 6: Giao diện chức năng Đăng ký học phần

- **Tra cứu công nợ**: Tại đây sinh viên xem các loại học phí, lệ phí phải đóng.

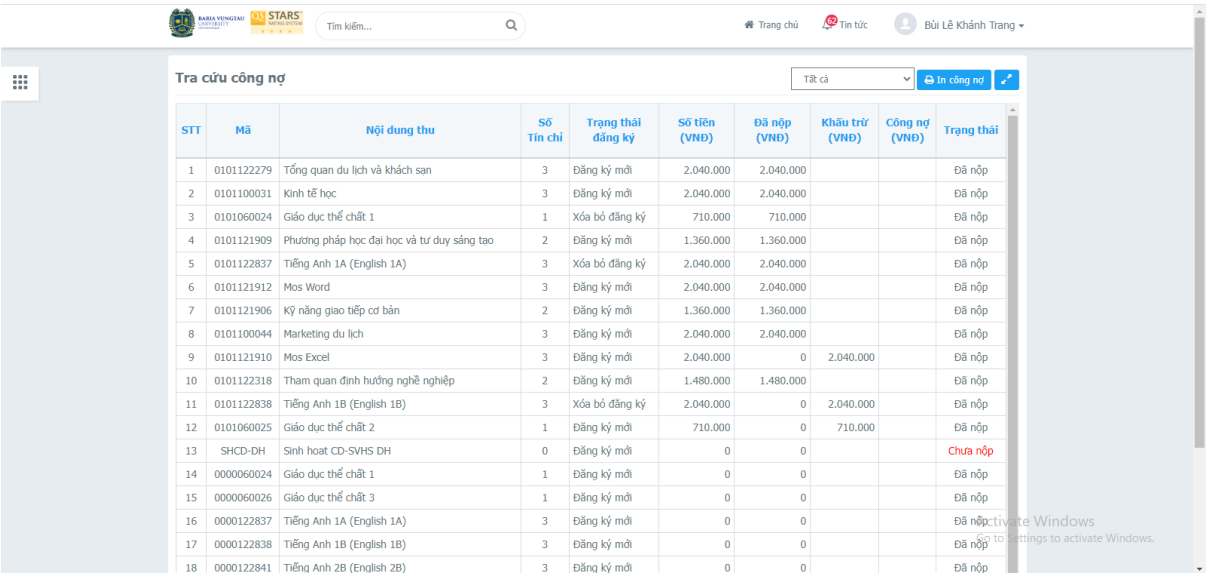

STT	Mã	Nội dung thu	Số Tín chỉ	Trạng thái đăng ký	Số tiền (VNĐ)	Đã nộp (VNĐ)	Khấu trừ (VNĐ)	Công nợ (VNĐ)	Trạng thái
1	0101122279	Tổng quan du lịch và khách sạn	3	Đăng ký mới	2.040.000	2.040.000			Đã nộp
2	0101100031	Kinh tế học	3	Đăng ký mới	2.040.000	2.040.000			Đã nộp
3	0101060024	Giáo dục thể chất 1	1	Xóa bỏ đăng ký	710.000	710.000			Đã nộp
4	0101121909	Phương pháp học đại học và tư duy sáng tạo	2	Đăng ký mới	1.360.000	1.360.000			Đã nộp
5	0101122837	Tiếng Anh 1A (English 1A)	3	Xóa bỏ đăng ký	2.040.000	2.040.000			Đã nộp
6	0101121912	Mos Word	3	Đăng ký mới	2.040.000	2.040.000			Đã nộp
7	0101121906	Kỹ năng giao tiếp cơ bản	2	Đăng ký mới	1.360.000	1.360.000			Đã nộp
8	0101100044	Marketing du lịch	3	Đăng ký mới	2.040.000	2.040.000			Đã nộp
9	0101121910	Mos Excel	3	Đăng ký mới	2.040.000	0	2.040.000		Đã nộp
10	0101122318	Tham quan định hướng nghề nghiệp	2	Đăng ký mới	1.480.000	1.480.000			Đã nộp
11	0101122838	Tiếng Anh 1B (English 1B)	3	Xóa bỏ đăng ký	2.040.000	0	2.040.000		Đã nộp
12	0101060025	Giáo dục thể chất 2	1	Đăng ký mới	710.000	0	710.000		Đã nộp
13	SHCD-DH	Sinh hoat CD-SVHS DH	0	Đăng ký mới	0	0			Chưa nộp
14	0000060024	Giáo dục thể chất 1	1	Đăng ký mới	0	0			Đã nộp
15	0000060026	Giáo dục thể chất 3	1	Đăng ký mới	0	0			Đã nộp
16	0000122837	Tiếng Anh 1A (English 1A)	3	Đăng ký mới	0	0			Đã nộp
17	0000122838	Tiếng Anh 1B (English 1B)	3	Đăng ký mới	0	0			Đã nộp
18	0000122841	Tiếng Anh 2B (English 2B)	3	Đăng ký mới	0	0			Đã nộp

Hình 7: Giao diện chức năng Tra cứu công nợ

- **Thanh toán trực tuyến**: Sinh viên thanh toán các khoản công nợ bằng hình thức trực tuyến.

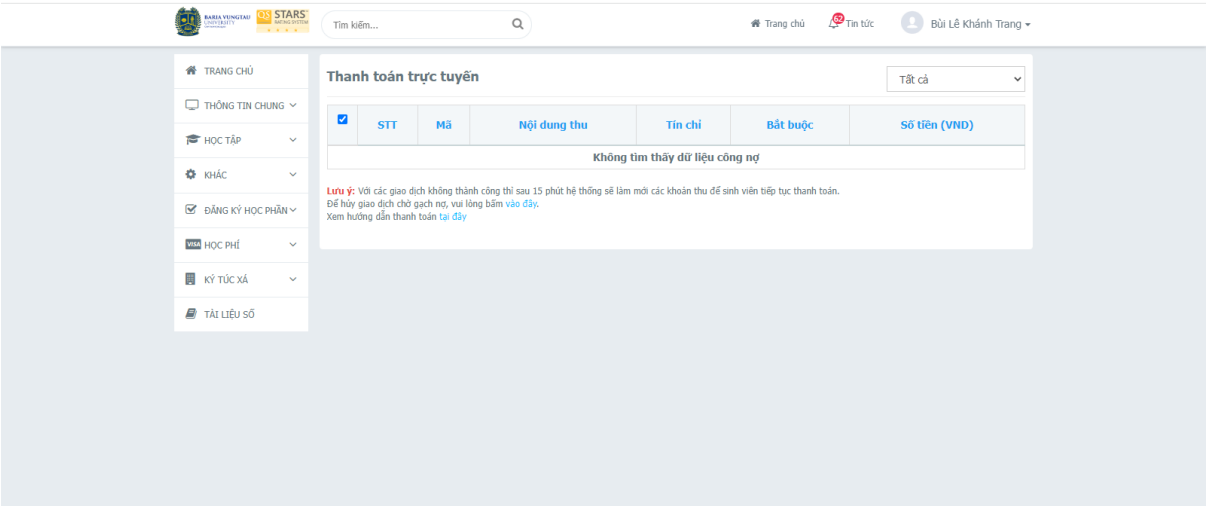

Hình 8: Giao diện chức năng Thanh toán trực tuyến

- **Phiếu thu tổng hợp**: Tại đây sinh viên xem, in các biên lai thu học phí, lệ phí đã đóng bằng cả hình thức trực tuyến và trực tiếp tại quầy.

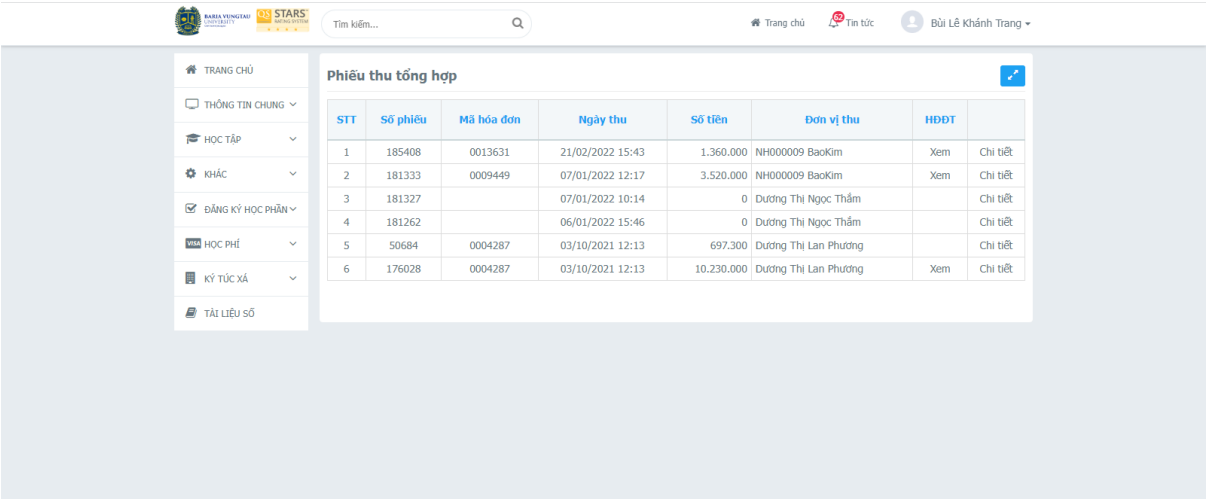

STT	Số phiếu	Mã hóa đơn	Ngày thu	Số tiền	Đơn vị thu	HĐĐT	
1	185408	0013631	21/02/2022 15:43	1.360.000	NH000009 BaoKim	Xem	Chi tiết
2	181333	0009449	07/01/2022 12:17	3.520.000	NH000009 BaoKim	Xem	Chi tiết
3	181327		07/01/2022 10:14	0	Dương Thị Ngọc Thắm		Chi tiết
4	181262		06/01/2022 15:46	0	Dương Thị Ngọc Thắm		Chi tiết
5	50684	0004287	03/10/2021 12:13	697.300	Dương Thị Lan Phương		Chi tiết
6	176028	0004287	03/10/2021 12:13	10.230.000	Dương Thị Lan Phương	Xem	Chi tiết

Hình 9: Giao diện chức năng Phiếu thu tổng hợp

- **Phiếu thu trực tuyến**: Tại đây sinh viên xem, in các biên lai thu học phí, lệ phí đã đóng bằng hình thức trực tuyến.

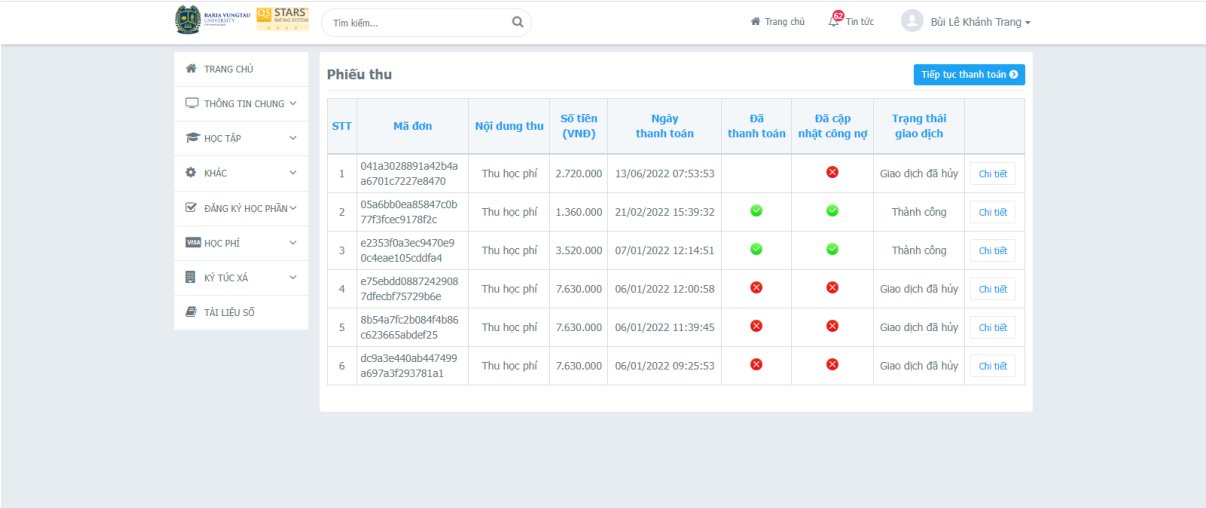

STT	Mã đơn	Nội dung thu	Số tiền (VNĐ)	Ngày thanh toán	Đã thanh toán	Đã cập nhật công nợ	Trạng thái giao dịch	
1	041a3028891a42b4a a6701c7227e8470	Thu học phí	2.720.000	13/06/2022 07:53:53		✗	Giao dịch đã hủy	Chi tiết
2	05a6bb0ea85847c0b 77f3fcec9178f2c	Thu học phí	1.360.000	21/02/2022 15:39:32	✓	✓	Thành công	Chi tiết
3	e2353f0a3ec9470e9 0c4eae105cddfa4	Thu học phí	3.520.000	07/01/2022 12:14:51	✓	✓	Thành công	Chi tiết
4	e75ebdd0887242908 7dfecbf75729b6e	Thu học phí	7.630.000	06/01/2022 12:00:58	✗	✗	Giao dịch đã hủy	Chi tiết
5	8b54a7fc2b084f4b86 c623665abdef25	Thu học phí	7.630.000	06/01/2022 11:39:45	✗	✗	Giao dịch đã hủy	Chi tiết
6	dc9a3e440ab447499 a697a3f293781a1	Thu học phí	7.630.000	06/01/2022 09:25:53	✗	✗	Giao dịch đã hủy	Chi tiết

Hình 10: Giao diện chức năng Phiếu thu trực tuyến